TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày: 21-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Nguyễn Quang Châu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Hường, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2023, tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 37/2023/TLST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2023, về việc "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2023/QĐST-DS, ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T – có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H – có mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Ông Nguyễn Văn S (chồng của bà Nguyễn Thị H) – có mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2) Ông Nguyễn Xuân H (chồng của bà Hoàng Thị T) .

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Hoàng Thị T, Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo văn bản ủy quyền ngày 18/4/2023 – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2023 và lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân H, bà Hoàng Thị T trình bày:

Do có quan hệ quen biết, ngày 16/10/2009 âm lịch bà Hoàng Thị T có cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn S (chồng bà H) vay số tiền 500.000.000 đồng hẹn ngày 16/10/2010 âm lịch trả, đến ngày 16/12/2009 âm lịch tiếp tục cho bà H vay số tiền 80.000.000 đồng, ngày 16/01/2010 cho bà H vay số tiền 30.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Hoàng Thị T cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S vay 610.000.000 đồng (Sáu trăm, mười triệu đồng) việc cho vay không tính lãi suất. Tuy nhiên bà H, ông S chưa thanh toán cho bà T, ông H số tiền nào.

Đối với số tiền 440.000.000 đồng mà bà T viết ngày 12/5/2011 là bà T nhận qua giấy tờ do bà H chuyển giao nghĩa vụ cho bà T là bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà T số tiền 440.000.000 đồng, hiện số tiền 440.000.000 đồng đã được bà T khởi kiện bà M tại bản án số 01/2015/DS-ST, ngày 06/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô. Nguồn gốc số tiền 440.000.000 đồng mà bà H nợ bà T số tiền 370.000.000 đồng và tính lãi nên bà H đã chuyển giao nghĩa vụ cho bà M phải trả thay cho bà H số tiền 440.000.000 đồng cho bà T. Đối với số tiền 610.000.000 đồng được viết 03 lần vay mượn này không liên quan gì đến số tiền của 440.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, Nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H thanh toán cho bà Hoàng Thị T số tiền gốc là 610.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn S thanh toán cho bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Văn H số tiền gốc là 610.000.000 đồng và không yêu cầu bà H, ông S tính lãi suất.

- Quá trình giải quyết, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H trình bày:

Từ năm 2009 đến năm 2010 bà H có vay của bà T số tiền 03 lần, tổng cộng là 610.000.000 đồng, chữ ký trong giấy 03 lần vay từ năm 2009 đến năm 2010, tổng số tiền là 610.000.000 đồng là chữ bà H viết và ký tên Nguyễn Thị H.

Đối với số tiền 610.000.000 đồng là bà H đã trả xong nợ cho bà T kể ngày 12/5/2011, cụ thể như sau:

Trong số tiền 610.000.000 đồng thì bà H đã trả tiền mặt được 170.000.000 đồng trước ngày 12/5/2011 nhưng số tiền 170.000.000 đồng mà bà H đã trả cho bà T thì được viết vào sổ của bà T nên bà H không có tài liệu chứng cứ. Đến ngày 12/5/2011 thì bà T lập giấy viết tay xác nhận bà Nguyễn Thị H đã trả nợ số tiền 440.000.000 đồng và kể từ ngày 12/5/2011 H đã trả nợ xong cho T.

Vì vậy thời điểm kể từ ngày 12/5/2011 trở về trước bà H đã không còn nợ bà T nhưng nếu kể từ thời điểm ngày 12/5/2011 trở về sau nếu còn giấy nợ nào thì bà H đồng ý thanh toán cho bà T.

Do đó thì bà H không đồng ý thanh toán số tiền 610.000.000 đồng theo đơn yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về tiền lãi thì do bà H không còn nợ bà T thì bà H không có ý kiến gì. Bà H không yêu cầu phản tố đối với Nguyên đơn.

Việc bà H vay mượn tiền của bà T không liên quan gì đến ông S.

- *Quá trình giải quyết, tại phiên tòa ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H (H S) và vợ chồng bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Xuân H (TH) chỉ là mối quan hệ bạn bè với nhau, chữ ký trong 03 lần mượn, tổng số tiền 610.000.000 đồng là chữ ký của bà H nhưng lời khai của bà TH cho rằng ông S, bà H cùng đến nhà mượn tiền thì không có, đồng thời Giấy được bà T viết ngày 12/5/2011 thì ông S không biết. Ông S không yêu cầu độc lập.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật; về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 610.000.000 đồng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 giấy do bà Nguyễn Thị H viết tay bằng bút mực màu xanh có tựa đề "Tiền mượn" (bản gốc) do Nguyên đơn cung cấp có thể hiện nội dung: bà Nguyễn Thị H (HS) mượn 03 lần tiền, lần thứ nhất *"ngày 16/10/2009 âm lịch là bà HS vay của TH số tiền 500.000.000 đồng, hẹn ngày 16/10/2010 âm lịch sẽ trả đầy đủ"*; lần thứ hai *"ngày 16/12/2009 âm lịch bà HS vay của TH số tiền 80.000.000 đồng*" và lần thứ ba "ngày 16/01/2010 âm lịch bà H mượn của T số tiền 30.000.000 đồng"; bản phô tô giấy vay đã được gạch xóa từ ngày 16/5/2009 âm lịch đến 24/11/2009 tổng số tiền 630.000.000 đồng *(trong đó bà T có số tiền 370.000.000 đồng của các lần vay từ ngày 16/5/2009 đến ngày 21/6/2009 âm lịch)*; 01 giấy viết tay ngày 12/5/2011 là bản phô tô do Bị đơn cung cấp và được bà Hoàng Thị T thừa nhận bà T viết có thể hiện nội dung: *"Tôi Hoàng Thị T đã nhận của bà Nguyễn Thị HS số tiền 440.000.000 đồng, chúng tôi đã thanh toán xong"*, xuống dòng là hàng chữ: *"Krông Nô ngày 12/5/2011, người nhận tiền trên giấy tờ là bà Hoàng Thị T"*. Xuống dòng viết thêm một hàng chữ là: *"Kể từ ngày 12/5/2011 H đã trả nợ xong cho T"*;

Bản sao Bản án số 01/2015/DS-ST, ngày 06/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô về tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ giữa bà Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị M; bản sao toàn bộ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 02/TB-TLVA, ngày 12/02/2014.

Đây là các tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được theo đúng trình tự thủ tục được chấp nhận làm căn cứ để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 610.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất, do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Bị đơn bà Nguyễn Thị H có địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Bà Hoàng Thị T (còn gọi là TH) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H (còn gọi là HS) thanh toán nợ gốc là 610.000.000 đồng. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy viết tay bằng bút mực màu xanh có tựa đề "Tiền mượn" (bản gốc) do Nguyên đơn cung cấp có thể hiện nội dung: bà Nguyễn Thị H (HS) mượn 03 lần tiền, lần thứ nhất *"ngày 16/10/2009 âm lịch là bà HS vay của TH số tiền 500.000.000 đồng, hẹn ngày 16/10/2010 âm lịch sẽ trả đầy đủ"*; lần thứ hai *" ngày 16/12/2009 âm lịch bà HS vay của TH số tiền 80.000.000 đồng*" và lần thứ ba *"ngày 16/01/2010 âm lịch bà H mượn của T số tiền 30.000.000 đồng"*. Trong giấy này thể hiện chữ ký, viết tên người mượn tiền "Nguyễn Thị H" và được bà Nguyễn Thị H thừa nhận, căn cứ Điều 92 bộ luật tố tụng dân sự không phải chứng minh.

Đối với giấy viết tay ngày 12/5/2011 là bản phô tô do Bị đơn cung cấp và được bà Hoàng Thị T thừa nhận bà T viết có thể hiện nội dung: *"Tôi Hoàng Thị T đã nhận của bà Nguyễn Thị HS số tiền 440.000.000 đồng, chúng tôi đã thanh toán xong"*, xuống dòng là hàng chữ: *"Krông Nô ngày 12/5/2011, người nhận tiền trên giấy tờ là bà Hoàng Thị T"*. Xuống dòng viết thêm một hàng chữ là: *"Kể từ ngày 12/5/2011 H đã trả nợ xong cho T"*. Trong giấy này thể hiện chữ ký, viết tên người nhận tiền "Hoàng Thị T" và được bà Hoàng Thị T thừa nhận, căn cứ Điều 92 bộ luật tố tụng dân sự không phải chứng minh.

Như vậy, có sự việc từ năm 2009 đến năm 2010 bà Nguyễn Thị H có vay tiền và ký tên trong giấy mượn tiền 03 lần của bà Hoàng Thị T số tiền 610.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T trình bày bà Nguyễn Thị M nhận trả thay cho bà H số tiền 440.000.000 đồng là của số tiền 370.0000.000 đồng đã được gạch xóa không liên quan gì đến số tiền 610.000.000 đồng và nộp các tài liệu, chứng cứ là giấy vay đã được gạch xóa từ ngày 16/5/2009 âm lịch đến 24/11/2009 tổng số tiền 630.000.000 đồng *(trong đó bà T có số tiền 370.000.000 đồng của các lần vay từ ngày 16/5/2009 đến ngày 21/6/2009 âm lịch và cộng tiền lãi nữa là đủ số tiền 440.000.000 đồng)*. Xét

lời khai của bà T tại phiên tòa mâu thuẫn với đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2014 và lời khai vào ngày 19/3/2014 bà Hoàng Thị T cho rằng từ năm 2009 đến năm 2010 bà Nguyễn Thị H có vay tiền và ký tên trong giấy mượn tiền 03 lần của bà Hoàng Thị T số tiền 610.000.000 đồng, đến ngày 12/5/2011 do không có tiền trả nợ nên giữa bà Hoàng Thị T, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị M thỏa thuận bà H chuyển giao một phần nghĩa vụ cho bà M chịu trách nhiệm trả cho bà T số tiền 440.000.000 đồng được Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý số 02/TB-TLVA, ngày 12/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô. Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị T rút đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Krông Nô ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 13/2014/QĐST-DS, ngày 29/9/2014.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H khai trước thời điểm ngày 12/5/2011 bà H đã thanh toán cho bà T số tiền 170.000.000 đồng, đã được ghi vào sổ của bà T, do bà T giữ nên đến ngày 12/5/2011 các bên thỏa thuận viết giấy thanh toán chuyển giao số nợ cho bà M thanh toán cho bà T số tiền 440.000.000 đồng và kể từ ngày 12/5/2011 bà H đã trả nợ xong cho bà T. Xét thấy, lời khai của bà H phù hợp với các lời khai mà trước kia bà T đã khởi kiện được Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý số 02/TB-TLVA, ngày 12/02/2014, được Tòa án nhân dân huyện Krông Nô ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 13/2014/QĐST-DS, ngày 29/9/2014.

Như vậy, giữa bà Nguyễn Thị H, bà Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị M có thỏa thuận với nhau vào ngày 12/5/2011 là bà H đã chuyển giao nghĩa vụ của bà H cho bà Nguyễn Thị M trả nợ cho bà T thay cho bà H số tiền 440.000.000 đồng theo bản án số 01/2015/DS-ST, ngày 06/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô về tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ giữa bà Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị M. Đồng thời tại giấy viết tay ngày 12/5/2011 được bà Hoàng Thị T và bà H thừa nhận bà T có viết và thể hiện nội dung: *"Tôi Hoàng Thị T đã nhận của bà Nguyễn Thị HS số tiền 440.000.000 đồng, chúng tôi đã thanh toán xong"*, xuống dòng là hàng chữ: *"Krông Nô ngày 12/5/2011, người nhận tiền trên giấy tờ là bà Hoàng Thị T"*. Xuống dòng viết thêm một hàng chữ là: *"Kể từ ngày 12/5/2011 H đã trả nợ xong cho T"* và ký tên trong giấy trả nợ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, tại giấy viết tay ngày 12/5/2011 cho thấy *"Kể từ ngày 12/5/2011 H đã trả nợ xong cho T*". Như vậy, kể từ ngày 12/5/2011 trở về sau bà H không còn nợ bà T nữa, cũng như bà T từ bỏ quyền của mình kể từ ngày 12/5/2011 các bên không còn nợ gì nhau. Mặt khác các giấy tờ vay mượn do bà T cung cấp đã được gạch xóa. Như vậy, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2023 bà T không yêu cầu bà H thanh toán tiền lãi, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Đối với các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho số tiền 610.000.000 đồng do bà T cung cấp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H, ông S không yêu cầu độc lập. Do đó không có căn cứ xem xét giải quyết.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô về giải quyết nội dung vụ án là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Nguyên đơn không được chấp nhận nên Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 28.400.000 đồng được trừ 14.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007272, ngày 05/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp thêm số tiền 14.200.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Hoàng Thị T số tiền gốc 610.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 28.400.000 đồng được trừ 14.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007272, ngày 05/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp thêm số tiền 14.200.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án đối với quyền và nghĩa vụ trực tiếp liên quan của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

" *Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện Krông Nô;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Nô;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)
Võ Thị Nhi